

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022

*

**KẾT QUẢ BÌNH QUÂN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B153**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	KHỐI I	KHỐI II	KHỐI III	BÌNH QUÂN	GHI CHÚ
1	1	Nguyễn Duy Anh	1986	7.50	7.00	7.00	7.17	
2	2	Neáng Bình	1981	7.00	7.50	6.75	7.08	
3	3	Dương Ngọc Bình	1987	7.50	7.00	7.50	7.33	
4	4	Néang Sóc Cóp	1981	8.50	8.00	7.75	8.08	
5	5	Dương Ngọc Diễm	1988	7.50	7.50	8.00	7.67	
6	6	Trần Thanh Điền	1985	7.50	6.50	6.00	6.67	
7	7	Trần Thị Ngọc Diệp	1982	8.00	7.00	7.50	7.50	
8	8	Phạm Thị Kim Đính	1984	5.50	8.00	8.00	7.17	
9	9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1983	8.50	7.00	8.00	7.83	
10	10	Đinh Thị Gấm	1986	6.50	7.25	6.50	6.75	
11	11	Trần Văn Hải	1983	8.00	7.50	7.00	7.50	
12	12	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1981	8.00	7.75	7.00	7.58	
13	13	Nguyễn Trung Hậu	1984	7.00	7.50	6.50	7.00	
14	14	Võ Thị Ngọc Hiếu	1988	5.00	6.50	6.50	6.00	
15	15	Lê Long Hồ	1986	7.50	7.00	7.00	7.17	
16	16	Huỳnh Kim Hoàn	1985	7.50	7.00	7.00	7.17	
17	17	Nguyễn Minh Hoàng	1980	7.50	7.00	7.50	7.33	
18	18	Nguyễn Thanh Hồng	26190	7.50	7.00	7.00	7.17	
19	19	Phạm Thanh Huân	1979	7.00	7.50	7.00	7.17	
20	20	Lê Quan Huy	1980	6.50	7.00	6.50	6.67	
21	21	Néang Sóc Kon	1982	6.00	7.50	7.00	6.83	
22	22	Võ Thị Phương Linh	1988	7.00	7.50	7.50	7.33	
23	23	Nguyễn Văn Luân	1985	7.50	7.50	7.00	7.33	
24	24	Trịnh Văn Mác	1977	7.50	7.00	6.50	7.00	
25	25	Tiêu Thị Mỹ	1976	7.50	7.75	6.00	7.08	
26	26	Nguyễn Tôn Kim Ngân	1973	7.00	8.00	7.00	7.33	
27	27	Trịnh Thị Ngoan	1979	7.00	7.25	7.00	7.08	
28	28	Nguyễn Tài Nguyên	1986	7.00	7.00	7.50	7.17	
29	29	Lê Thị Hồng Nguyệt	1975	8.00	7.50	7.50	7.67	
30	30	Chau Si Nô	1983	8.00	7.75	7.00	7.58	
31	31	Chau Phong	1977	8.00	8.25	7.00	7.75	
32	32	Nguyễn Thị Phú	1990	5.50	7.50	6.50	6.50	
33	33	Nguyễn Thị Minh Phụng	1985	7.50	8.00	7.50	7.67	
34	34	Trần Đình Phương	1984	7.00	7.50	6.00	6.83	
35	35	Lục Néang Sóc Phương	1978	7.50	7.50	6.50	7.17	
36	36	Trần Văn Phương	1975	7.00	7.00	6.00	6.67	
37	37	Lâm Thị Phương	1973	6.50	6.00	7.50	6.67	
38	38	Nguyễn Vũ Quang	1977	7.00	7.00	7.00	7.00	
39	39	Phan Thị Lệ Quyên	1978	8.00	7.50	7.00	7.50	
40	40	Trần Thị Quyên	1985	4.00	7.00	6.00	5.67	



41	41	Huỳnh Thị Mỹ	Tân	1988	7.50	7.00	7.50	7.33	
42	42	Nguyễn Thị	Thanh	1974	7.00	7.75	6.50	7.08	
43	43	Ôn Ngọc	Thảo	1986	7.50	7.50	7.00	7.33	
44	44	Nguyễn Như	Thảo	1989	6.00	7.50	7.50	7.00	
45	45	Nguyễn Thị	Thảo	1982	5.50	8.00	7.00	6.83	
46	46	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1991	7.50	8.00	7.50	7.67	
47	47	Trần Minh	Thuận	1985	8.00	7.50	6.00	7.17	
48	48	Võ Thị Thanh	Thùy	1989	7.50	7.50	7.50	7.50	
49	49	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1984	7.50	7.50	6.50	7.17	
50	50	Dương Thị Diễm	Trang	1980	7.00	8.00	7.50	7.50	
51	51	Nguyễn Thị Thu	Trang	1985	7.00	7.50	6.00	6.83	
52	52	Huỳnh Thị Thùy	Trang	1982	7.00	7.50	6.00	6.83	
53	53	Huỳnh Đức	Trí	1977	7.50	7.00	6.50	7.00	
54	54	Sên Chanh	Tria	1986	7.50	7.50	7.00	7.33	
55	55	Lương Minh	Triết	1984	7.50	7.50	7.00	7.33	
56	56	Lê Chí	Trung	1984	8.50	8.00	7.75	8.08	
57	57	Nguyễn Hoàng	Tuân	1981	3.75	7.00	7.50	6.08	
58	58	Nguyễn Văn	Tuân	1985	8.00	7.00	6.50	7.17	
59	59	Vũ Khắc	Tùng	1977	8.50	7.25	6.00	7.25	
60	60	Phạm Minh	Tùng	1986	8.00	6.75	6.00	6.92	
61	61	Khưu Phúc	Vân	1968	8.50	7.50	6.00	7.33	
62	62	Trịnh Thị Thanh	Vân	1982	7.50	8.00	7.25	7.58	
63	63	Huỳnh Văn	Vũ	1975	7.50	7.25	7.50	7.42	
64	64	Huỳnh Thị Lan	Yên	1984	7.50	7.00	8.00	7.50	

* Tổng số bài thi:

64

Giỏi

2

- Số bài đạt:

62

Khá

47

- Số không đạt:

2

TB

13

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỞNG



Nguyễn Thành Nhân



TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B153
KHOI KIẾN THỨC I

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Nguyễn Duy Anh	1986	7.50	S13	
2	2	Neáng Binh	1981	7.00	S14	
3	3	Dương Ngọc Bình	1987	7.50	S15	
4	4	Néang Sóc Cóp	1981	8.50	S16	
5	5	Dương Ngọc Diễm	1988	7.50	S17	
6	6	Trần Thị Ngọc Diệp	1982	7.50	S18	
7	7	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1983	8.00	S19	
8	8	Trần Thanh Điền	1985	5.50	S20	
9	9	Phạm Thị Kim Đính	1984	8.50	S21	
10	10	Đinh Thị Gấm	1986	6.50	S22	
11	11	Trần Văn Hải	1983	8.00	S23	
12	12	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1981	8.00	S24	
13	13	Nguyễn Trung Hậu	1984	7.00	S25	
14	14	Võ Thị Ngọc Hiếu	1988	5.00	S26	
15	15	Huỳnh Kim Hoàn	1985	7.50	S27	
16	16	Nguyễn Minh Hoàng	1980	7.50	S28	
17	17	Lê Long Hồ	1986	7.50	S29	
18	18	Nguyễn Thanh Hồng	1987	7.50	S30	
19	19	Phạm Thanh Huân	1979	7.00	S31	
20	20	Lê Quan Huy	1980	6.50	S32	
21	21	Néang Sóc Kon	1982	6.00	S33	
22	22	Võ Thị Phương Linh	1988	7.00	S34	
23	23	Nguyễn Văn Luân	1985	7.50	S35	
24	24	Trịnh Văn Mác	1977	7.50	S36	
25	25	Tiêu Thị Mỹ	1976	7.50	S37	
26	26	Chau Si Nô	1983	7.00	S38	
27	27	Nguyễn Tôn Kim Ngân	1973	7.00	S39	
28	28	Trịnh Thị Ngoan	1979	7.00	S40	
29	29	Nguyễn Tài Nguyên	1986	8.00	S41	
30	30	Lê Thị Hồng Nguyệt	1975	8.00	S42	
31	31	Chau Phong	1977	8.00	S43	
32	32	Nguyễn Thị Phú	1990	5.50	S64	
33	33	Nguyễn Thị Minh Phụng	1985	7.50	S44	
34	34	Trần Văn Phương	1975	7.00	S45	
35	35	Lục Néang Sóc Phương	1978	7.50	S46	
36	36	Trần Đình Phương	1984	7.00	S47	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Lâm Thị Phụng	1973	6.50	S48	
38	38	Nguyễn Vũ Quang	1977	7.00	S49	
39	39	Phan Thị Lệ Quyên	1978	8.00	S50	
40	40	Trần Thị Quyên	1985	4.00	S51	
41	41	Huỳnh Thị Mỹ Tân	1988	7.50	S52	
42	42	Nguyễn Hoàng Tuấn	1981	7.00	S53	
43	43	Nguyễn Văn Tuấn	1985	7.50	S54	
44	44	Vũ Khắc Tùng	1977	6.00	S55	
45	45	Phạm Minh Tùng	1986	5.50	S56	
46	46	Nguyễn Thị Thanh	1974	7.50	S57	
47	47	Nguyễn Thị Thảo	1982	8.00	S58	
48	48	Ôn Ngọc Thảo	1986	7.50	S59	
49	49	Nguyễn Như Thảo	1989	7.50	S60	
50	50	Phạm Thị Ngọc Thơ	1991	7.00	S61	
51	51	Trần Minh Thuận	1985	7.00	S62	
52	52	Võ Thị Thanh Thùy	1989	7.00	S63	
53	53	Nguyễn Thị Thu Thủy	1984	7.50	S1	
54	54	Dương Thị Diễm Trang	1980	7.50	S2	
55	55	Nguyễn Thị Thu Trang	1985	7.50	S3	
56	56	Huỳnh Thị Thùy Trang	1982	8.50	S4	
57	57	Huỳnh Đức Trí	1977	3.75	S5	
58	58	Sên Chanh Tria	1986	8.00	S6	
59	59	Lương Minh Triết	1984	8.50	S7	
60	60	Lê Chí Trung	1984	8.00	S8	
61	61	Trịnh Thị Thanh Vân	1982	8.50	S9	
62	62	Khưu Phúc Vân	1968	7.50	S10	
63	63	Huỳnh Văn Vũ	1975	7.50	S11	
64	64	Huỳnh Thị Lan Yên	1984	7.50	S12	

* Tổng số bài thi:

64

Giỏi

15

- Số bài đạt:

62

Khá

36

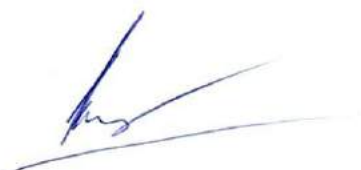
- Số không đạt:

2

TB

11

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Nhân

An Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B153
KHỐI KIẾN THỨC II

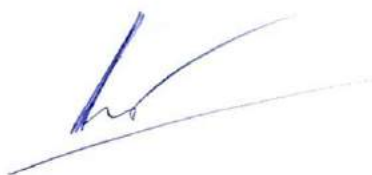
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Nguyễn Duy	Anh	1986	7.00	H45	
2	2	Neáng	Bình	1981	7.50	H46	
3	3	Dương Ngọc	Bình	1987	7.00	H47	
4	4	Néang Sóc	Cóp	1981	8.00	H48	
5	5	Dương Ngọc	Diễm	1988	7.50	H49	
6	6	Trần Thanh	Điền	1985	6.50	H52	
7	7	Trần Thị Ngọc	Diệp	1982	7.00	H50	
8	8	Phạm Thị Kim	Đính	1984	8.00	H53	
9	9	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1983	7.00	H51	
10	10	Đinh Thị	Gấm	1986	7.25	H54	
11	11	Trần Văn	Hải	1983	7.50	H55	
12	12	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	1981	7.75	H56	
13	13	Nguyễn Trung	Hậu	1984	7.50	H57	
14	14	Võ Thị Ngọc	Hiếu	1988	6.50	H58	
15	15	Lê Long	Hồ	1986	7.00	H61	
16	16	Huỳnh Kim	Hoàn	1985	7.00	H59	
17	17	Nguyễn Minh	Hoàng	1980	7.00	H60	
18	18	Nguyễn Thanh	Hồng	26190	7.00	H62	
19	19	Phạm Thanh	Huân	1979	7.50	H63	
20	20	Lê Quan	Huy	1980	7.00	H64	
21	21	Néang Sóc	Kon	1982	7.50	H33	
22	22	Võ Thị Phương	Linh	1988	7.50	H1	
23	23	Nguyễn Văn	Luân	1985	7.50	H2	
24	24	Trịnh Văn	Mác	1977	7.00	H3	
25	25	Tiêu Thị	Mỹ	1976	7.75	H4	
26	26	Nguyễn Tôn Kim	Ngân	1973	8.00	H6	
27	27	Trịnh Thị	Ngoan	1979	7.25	H7	
28	28	Nguyễn Tài	Nguyên	1986	7.00	H8	
29	29	Lê Thị Hồng	Nguyệt	1975	7.50	H9	
30	30	Chau Sĩ	Nô	1983	7.75	H5	
31	31	Chau	Phong	1977	8.25	H10	
32	32	Nguyễn Thị	Phú	1990	7.50	H11	
33	33	Nguyễn Thị Minh	Phụng	1985	8.00	H12	
34	34	Trần Đình	Phương	1984	7.50	H15	
35	35	Lục Néang Sóc	Phương	1978	7.50	H14	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
36	36	Trần Văn	Phương	1975	7.00	H13	
37	37	Lâm Thị	Phượng	1973	6.00	H16	
38	38	Nguyễn Vũ	Quang	1977	7.00	H17	
39	39	Phan Thị Lệ	Quyên	1978	7.50	H18	
40	40	Trần Thị	Quyên	1985	7.00	H19	
41	41	Huỳnh Thị Mỹ	Tân	1988	7.00	H20	
42	42	Nguyễn Thị	Thanh	1974	7.75	H25	
43	43	Ôn Ngọc	Thảo	1986	7.50	H26	
44	44	Nguyễn Như	Thảo	1989	7.50	H28	
45	45	Nguyễn Thị	Thảo	1982	8.00	H27	
46	46	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1991	8.00	H29	
47	47	Trần Minh	Thuận	1985	7.50	H30	
48	48	Võ Thị Thanh	Thùy	1989	7.50	H31	
49	49	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1984	7.50	H32	
50	50	Dương Thị Diễm	Trang	1980	8.00	H34	
51	51	Nguyễn Thị Thu	Trang	1985	7.50	H35	
52	52	Huỳnh Thị Thùy	Trang	1982	7.50	H36	
53	53	Huỳnh Đức	Trí	1977	7.00	H37	
54	54	Sên Chanh	Tria	1986	7.50	H38	
55	55	Lương Minh	Triết	1984	7.50	H39	
56	56	Lê Chí	Trung	1984	8.00	H40	
57	57	Nguyễn Hoàng	Tuân	1981	7.00	H21	
58	58	Nguyễn Văn	Tuấn	1985	7.00	H22	
59	59	Vũ Khắc	Tùng	1977	7.25	H23	
60	60	Phạm Minh	Tùng	1986	6.75	H24	
61	61	Khru Phúc	Vân	1968	7.50	H42	
62	62	Trịnh Thị Thanh	Vân	1982	8.00	H41	
63	63	Huỳnh Văn	Vũ	1975	7.25	H43	
64	64	Huỳnh Thị Lan	Yên	1984	7.00	H44	

* Tổng số bài thi:	64	Giỏi	10
- Số bài đạt:	64	Khá	48
- Số không đạt:	0	TB	6

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

**K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B153
KHỐI KIẾN THỨC III

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Nguyễn Duy Anh	1986	7.00	K14	
2	2	Néang Binh	1981	6.75	K15	
3	3	Dương Ngọc Bình	1987	7.50	K16	
4	4	Néang Sóc Cóp	1981	7.75	K17	
5	5	Dương Ngọc Diễm	1988	8.00	K18	
6	6	Trần Thanh Điền	1985	6.00	K21	
7	7	Trần Thị Ngọc Diệp	1982	7.50	K19	
8	8	Phạm Thị Kim Đính	1984	8.00	K22	
9	9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1983	8.00	K20	
10	10	Đinh Thị Gấm	1986	6.50	K23	
11	11	Trần Văn Hải	1983	7.00	K24	
12	12	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1981	7.00	K25	
13	13	Nguyễn Trung Hậu	1984	6.50	K26	
14	14	Võ Thị Ngọc Hiếu	1988	6.50	K27	
15	15	Lê Long Hồ	1986	7.00	K30	
16	16	Huỳnh Kim Hoàn	1985	7.00	K28	
17	17	Nguyễn Minh Hoàng	1980	7.50	K29	
18	18	Nguyễn Thanh Hồng	26190	7.00	K31	
19	19	Phạm Thanh Huân	1979	7.00	K32	
20	20	Lê Quan Huy	1980	6.50	K33	
21	21	Néang Sóc Kon	1982	7.00	K34	
22	22	Võ Thị Phương Linh	1988	7.50	K35	
23	23	Nguyễn Văn Luân	1985	7.00	K36	
24	24	Trịnh Văn Mác	1977	6.50	K37	
25	25	Tiêu Thị Mỹ	1976	6.00	K38	
26	26	Nguyễn Tôn Kim Ngân	1973	7.00	K40	
27	27	Trịnh Thị Ngoan	1979	7.00	K41	
28	28	Nguyễn Tài Nguyên	1986	7.50	K42	
29	29	Lê Thị Hồng Nguyệt	1975	7.50	K43	
30	30	Chau Si Nô	1983	7.00	K39	
31	31	Chau Phong	1977	7.00	K44	
32	32	Nguyễn Thị Phú	1990	6.50	K45	
33	33	Nguyễn Thị Minh Phụng	1985	7.50	K46	
34	34	Trần Đình Phương	1984	6.00	K49	
35	35	Lục Néang Sóc Phương	1978	6.50	K48	
36	36	Trần Văn Phương	1975	6.00	K47	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Lâm Thị	Phượng	1973	7.50	K50	
38	38	Nguyễn Vũ	Quang	1977	7.00	K51	
39	39	Phan Thị Lệ	Quyên	1978	7.00	K52	
40	40	Trần Thị	Quyên	1985	6.00	K53	
41	41	Huỳnh Thị Mỹ	Tân	1988	7.50	K54	
42	42	Nguyễn Thị	Thanh	1974	6.50	K59	
43	43	Ôn Ngọc	Thảo	1986	7.00	K61	
44	44	Nguyễn Như	Thảo	1989	7.50	K62	
45	45	Nguyễn Thị	Thảo	1982	7.00	K60	
46	46	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1991	7.50	K63	
47	47	Trần Minh	Thuận	1985	6.00	K64	
48	48	Võ Thị Thanh	Thùy	1989	7.50	K1	
49	49	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1984	6.50	K2	
50	50	Dương Thị Diễm	Trang	1980	7.50	K3	
51	51	Nguyễn Thị Thu	Trang	1985	6.00	K4	
52	52	Huỳnh Thị Thùy	Trang	1982	6.00	K5	
53	53	Huỳnh Đức	Trí	1977	6.50	K6	
54	54	Sên Chanh	Tria	1986	7.00	K7	
55	55	Lương Minh	Triết	1984	7.00	K8	
56	56	Lê Chí	Trung	1984	7.75	K9	
57	57	Nguyễn Hoàng	Tuân	1981	7.50	K55	
58	58	Nguyễn Văn	Tuấn	1985	6.50	K56	
59	59	Vũ Khắc	Tùng	1977	6.00	K57	
60	60	Phạm Minh	Tùng	1986	6.00	K58	
61	61	Khru Phúc	Vân	1968	6.00	K11	
62	62	Trịnh Thị Thanh	Vân	1982	7.25	K10	
63	63	Huỳnh Văn	Vũ	1975	7.50	K12	
64	64	Huỳnh Thị Lan	Yên	1984	8.00	K13	

* Tổng số bài thi: **64**

- Số bài đạt: **64**

- Số không đạt: **0**

Giỏi

4

Khá

36

TB

24

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Nhân